



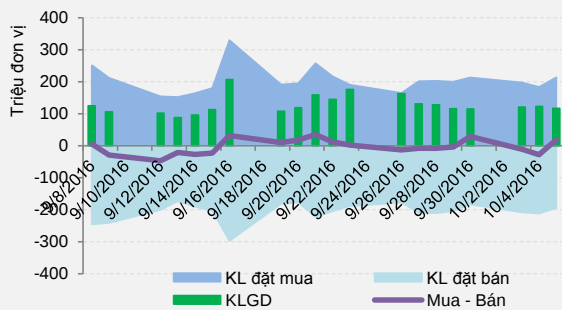
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 5/10/2016

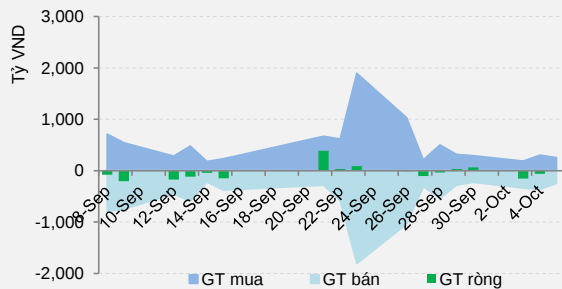
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	687.04	85.53
% Thay đổi	↑ 0.42%	↑ 0.55%
KLGD (CP)	116,667,290	39,495,790
GTGD (tỷ đồng)	2,193.20	459.35
Tổng cung (CP)	195,097,640	81,674,200
Tổng cầu (CP)	213,834,970	71,940,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	9,554,180	870,684
KL mua (CP)	8,937,720	761,032
GT mua (tỷ đồng)	254.96	15.34
GT bán (tỷ đồng)	252.06	12.02
GT ròng (tỷ đồng)	2.90	3.32

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Nhàng Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.34%	11.1	2.1	1.3%
Công nghiệp	↑ 0.48%	14.6	2.4	20.8%
Dầu khí	↑ 0.45%	9.5	0.8	3.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.50%	21.0	5.1	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.45%	85.4	3.4	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.00%	19.1	6.0	23.7%
Ngân hàng	↑ 1.14%	14.4	1.5	4.6%
Nguyên vật liệu	↓ -0.34%	11.2	2.0	18.0%
Tài chính	↑ 0.24%	22.7	2.6	23.7%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.78%	18.3	3.0	2.3%
VN - Index	↑ 0.42%	16.7	3.4	83.5%
HNX - Index	↑ 0.55%	11.1	1.7	16.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Một phiên giao dịch tích cực của cả 2 chỉ số khi lực mua áp đảo trong phần lớn thời gian giao dịch đã kéo 2 chỉ số đi lên. Kết phiên, VN-Index tăng 2,84 điểm tương ứng 0,42% lên mức 687,04 điểm và HNX-Index kết phiên với mức tăng 0,46 điểm tương ứng 0,55% lên mức 85.53 điểm. Trong phiên, VN-Index đã có lúc tiếp cận với kháng cự 690 điểm nhưng lực chốt lời ở mức này là khá mạnh đã ngăn cản đà tăng của chỉ số. Mốc kháng cự 690 điểm của chỉ số sẽ tiếp tục được thử thách trong các phiên sau. Thanh khoản phiên hôm nay ở mức trung bình với giá trị giao dịch trên HOSE đạt 2.193 tỷ đồng tương ứng khối lượng giao dịch là 117 triệu cổ phiếu và 459 tỷ đồng tương ứng 39 triệu cổ phiếu trên HNX. Độ rộng thị trường là tích cực trên sàn HOSE với số mã xanh chiếm đa số, cụ thể có 130 mã tăng giá, 59 mã đứng giá, 101 mã giảm giá. Trên HNX, độ rộng thị trường là trung tính với 79 mã tăng giá, 83 mã đứng giá, 84 mã giảm giá.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Trong ngắn hạn, thị trường sẽ tiếp tục tích lũy và phân hóa trong vùng 680 điểm - 690 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua tại vùng hỗ trợ trong các phiên trước có thể xem xét chốt lời khi VNIndex tiếp cận vùng 690 điểm, tránh mua đuổi cổ phiếu với giá cao. Nhà đầu tư trung hạn có thể tận dụng những đợt điều chỉnh của thị trường để giải ngân vào những cổ phiếu cơ bản tốt, kỳ vọng kết quả kinh doanh khả quan.

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

Lực cầu trong cả phiên giao dịch đã kéo chỉ số VN-Index tăng điểm tốt để kết phiên với sắc xanh. Cụ thể, VN-Index tăng 2,84 điểm (0,42%) lên mức 687,04 điểm. Thanh khoản ở mức trung bình với 2.193 tỷ tương ứng với 117 triệu cổ phiếu.

Những cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào VN-Index là: ROS tăng 2.700 đồng, CTG tăng 300 đồng, GAS tăng 500 đồng, VCB tăng 300 đồng, BID tăng 200 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC giảm 200 đồng, HPG giảm 350 đồng, DVP giảm 4.600 đồng.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/10/2016

HNX-Index:

Lực mua tốt trong phần lớn thời gian đã kéo chỉ số tăng điểm tốt để kết phiên với sắc xanh. Cụ thể, HNX-Index tăng 0,46 điểm (0,55%) lên mức 85,53 điểm. Thanh khoản đạt mức trung bình với 459 tỷ đồng tương ứng với 39 triệu cổ phiếu.

Những cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào HNX-Index là: ACB tăng 400 đồng, SHB tăng 100 đồng, VCS tăng 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, BII giảm 1.400 đồng, PHP giảm 200 đồng, PVI giảm 200 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị 2,9 tỷ đồng. Mã được mua ròng nhiều nhất là NT2 với 346 nghìn cổ phiếu tương ứng với 13,3 tỷ đồng, tiếp theo là HPG với 251 nghìn cổ phiếu tương ứng với 11 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, BHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,4 triệu cổ phiếu tương ứng với 24,8 tỷ đồng.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với 3,3 tỷ đồng. Mã được mua ròng nhiều nhất là IVS với 91,5 nghìn cổ phiếu tương ứng với 1,3 tỷ đồng, tiếp theo là BVS với 56,1 nghìn cổ phiếu tương ứng với 1 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, PVS là mã bị bán ròng nhiều nhất với 28,6 nghìn cổ phiếu tương ứng với 620 triệu đồng.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

WB hạ dự báo tăng trưởng Việt Nam xuống 6,0% trong năm

Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng Việt Nam năm 2016 chỉ khoảng 6,0%, giảm 0,2 điểm phần trăm so với lần dự báo vào tháng 6/2016 và đạt 6,3% trong năm 2017.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index kết phiên với cây nến trắng và bóng trên dài đã thể hiện lực mua tốt trong phiên và lực bán khi chỉ số tiệm cận mốc kháng cự. Mốc hỗ trợ gần nhất của chỉ số là 680 điểm và kháng cự gần nhất là mốc 690 điểm. Trong ngắn hạn, thị trường sẽ tiếp tục dao động trong vùng 680-690 điểm. MACD đang cho tín hiệu tích cực lên thị trường trong trung hạn. Stochastic cho tín hiệu lạc quan trong phiên tiếp theo. Quan điểm của chúng tôi là trong 2 phiên cuối tuần, chỉ số sẽ tiếp tục thử thách mốc kháng cự 690 điểm, tuy nhiên vẫn có khả năng điều chỉnh về hỗ trợ 680 điểm. Trong trung hạn, xu hướng chung của Vn-Index vẫn là tăng, chỉ số sẽ tiếp tục đi lên những mốc cao hơn trong vùng 690-700 điểm.

HNX-Index:



HNX-Index kết phiên với cây nến trắng khá lớn thể hiện lực mua của nhà đầu tư trong cả phiên là khá mạnh. MACD tiếp tục cho tín hiệu tích cực trong trung hạn. Stochastic cắt xuống cho thấy trong phiên tiếp theo điều chỉnh có thể xảy ra. Mốc hỗ trợ gần nhất là 85 điểm và kháng cự gần nhất là 86 điểm. Quan điểm của chúng tôi là HNX-Index trong 2 phiên cuối tuần có thể xảy ra điều chỉnh về mốc hỗ trợ 85 điểm nhưng trong trung hạn xu hướng chung là tăng, chỉ số sẽ đi lên số điểm cao hơn trong vùng 86-87 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm mạnh

Tới 13h45 chiều 5/10, đà lao dốc giảm bớt. Vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức: 35,36 triệu đồng/lượng (mua vào) và 35,48 triệu đồng/lượng (bán ra), giảm 550 ngàn đồng/lượng chiều mua vào và giảm 510 ngàn đồng bán ra so với cuối giờ chiều qua.

Tỷ giá trung tâm tăng 12 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa VND và USD sáng 5/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 21.964 đồng, tăng 12 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm mạnh

Trên thị trường châu Á, tính tới 5h00 sáng 5/10 (giờ Việt Nam), giá vàng giao ngay đứng ở mức thấp 1.269 USD/ounce. Đêm qua, trên sàn Comex New York, giá vàng giao ngay rơi thẳng đứng từ 1.310 USD về dưới ngưỡng 1.270 USD/ounce. Giá vàng giao tháng 12 trên sàn Comex New York giảm 43 USD xuống 1.269,7 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng, bảng Anh đáy 31 năm

Trên thị trường thế giới, tính tới 5h50 sáng 5/10, đồng USD tăng mạnh so với euro lên mức: 1 euro đổi 1,1205 USD. USD tăng so với yen Nhật lên: 102,80 yen đổi 1 USD so với 101,66 yen đổi 1 USD. USD cũng tăng giá mạnh so với bảng Anh (GBP) lên mức: 1,2733 USD đổi 1 bảng Anh, so với mức 1,2884 USD đổi 1 bảng Anh.

Giá dầu thế giới đi xuống do đồng USD mạnh lên

Kết thúc phiên này, tại thị trường New York, giá dầu Brent giảm 2 xu Mỹ xuống 50,87 USD/thùng, sau khi tăng lên 51,37 USD/thùng trong phiên giao dịch, mức cao nhất kể từ 10/6. Giá dầu WTI giảm 12 xu Mỹ xuống 48,69 USD/thùng, sau khi chạm mức 49,13 USD/thùng trước đó, mức cao nhất kể từ 5/7.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm

Chỉ số Dow Jones giảm 85,40 điểm tương ứng 0,47% xuống mức 18.168,45 điểm, chỉ số Nasdaq giảm 11,22 điểm tương ứng 0,21% xuống mức 5.289,66 điểm và chỉ số S&P 500 giảm 10,71 điểm tương ứng 0,50% xuống mức 2.150,49 điểm.

**DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

Mã CP	Ngày mua	Vùng giá khuyến nghị mua	Giá hiện tại	Hiệu suất	Stoploss	Mục tiêu	Thời gian khuyến nghị	Ghi chú
FPT	16/09/2016	43-45	46.8	6.36%	39-40	58-60	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA
BFC	21/09/2016	35-37	37.8	5.00%	32-33	49-50	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA
KBC	30/09/2016	18-19	18.65	0.81%	17	23	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA

Lưu ý tiêu chí chọn cổ phiếu:

- Doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng đều qua các quý/năm (hoặc) có chuyển biến nội tại tích cực về năng lực tài chính, KQKD trong ngắn/dài hạn. Ngoài ra các khuyến nghị cũng có thể dựa trên thuần túy phân tích kỹ thuật.

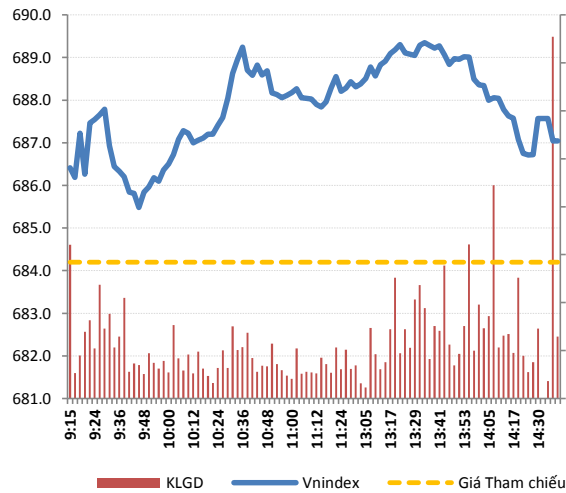
- Các khuyến nghị bán được thực hiện không chỉ dựa trên mức giá mục tiêu, giá stop loss mà còn phụ thuộc tình hình thị trường chung thay đổi (hoặc) cổ phiếu vẫn hoạt động tốt nên chúng tôi tiếp tục cho cổ phiếu chạy, dời mức trailing stop về 7 đến 8% so với giá đóng cửa cao nhất mà cổ phiếu này đạt được (hoặc) cổ phiếu chuyển sang giai đoạn hoạt động kém hiệu quả nên mức stoploss/mức giá mục tiêu bị dời lại.

CẬP NHẬT TÌNH HÌNH DN TRONG DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

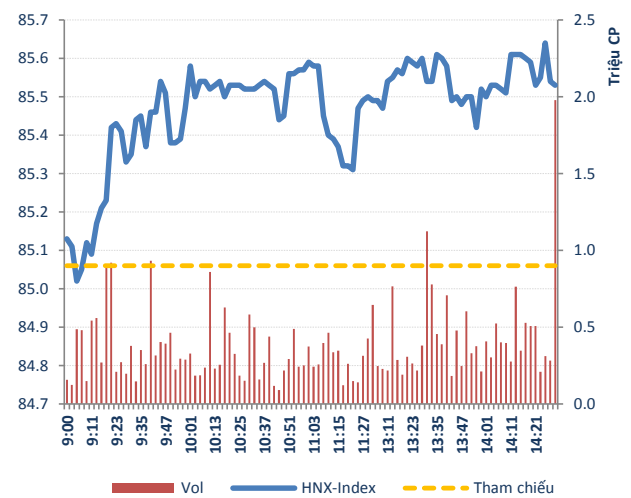


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

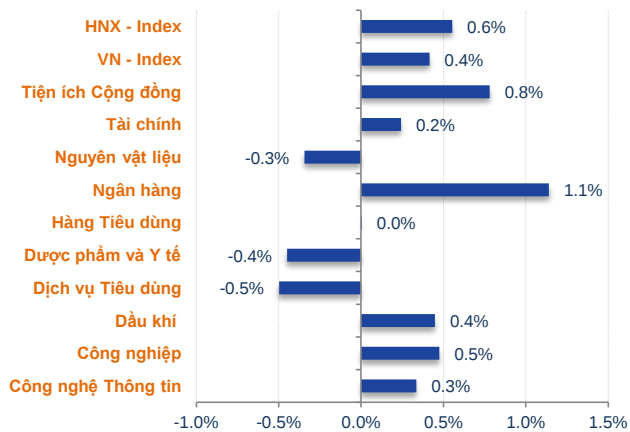
KLGD và VN-Index trong phiên



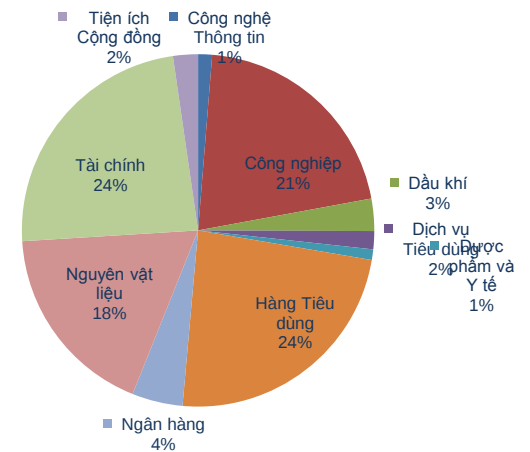
KLGD và HNX-Index trong phiên



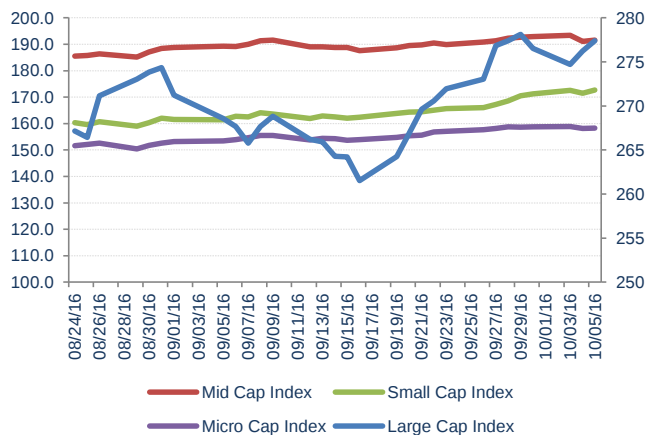
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



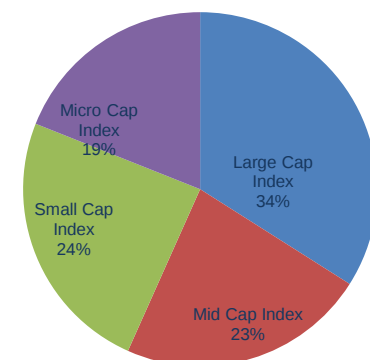
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	972,990	OGC	1,443,890
2	DXG	526,760	BHS	1,403,060
3	NT2	345,890	KBC	276,710
4	HPG	251,360	FLC	216,130
5	SSI	246,220	PET	210,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IVS	91,500	KHB	127,000
2	BVS	56,100	SHB	108,100
3	VCG	50,000	TTB	40,000
4	VNR	34,900	VGS	30,000
5	PTI	24,600	PVS	28,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
FLC	5.1	5.5	↑	6.84%	16,187,790
KBC	18.5	18.7	↑	1.08%	10,643,510
HQC	5.2	5.2	↑	0.39%	5,350,030
HPG	44.0	43.6	↓	-0.80%	5,043,350
OGC	1.3	1.2	↓	-6.82%	4,718,850

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
HKB	9.0	9.9	↑	10.00%	5,959,200
PVX	2.5	2.5	→	0.00%	3,657,206
SCR	9.6	9.8	↑	2.08%	2,736,709
HUT	13.0	13.1	↑	0.77%	2,335,745
SHB	4.5	4.6	↑	2.22%	2,020,339

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KAC	5.0	5.4	0.4	↑ 6.99%
HHS	6.0	6.5	0.4	↑ 6.95%
VOS	1.4	1.5	0.1	↑ 6.94%
ROS	39.0	41.7	2.7	↑ 6.92%
SMC	18.1	19.4	1.3	↑ 6.91%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KST	4.3	5.5	1.2	↑ 27.91%
HKB	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
BKC	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
NHC	30.5	33.5	3.0	↑ 9.84%
POT	14.3	15.7	1.4	↑ 9.79%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RIC	9.7	9.0	-0.7	↓ -6.94%
BTT	35.6	33.1	-2.5	↓ -6.89%
ICF	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
OGC	1.3	1.2	-0.1	↓ -6.82%
BMC	16.3	15.2	-1.1	↓ -6.75%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BII	14.0	12.6	-1.4	↓ -10.00%
ONE	8.0	7.2	-0.8	↓ -10.00%
VNF	67.5	60.8	-6.7	↓ -9.93%
BXH	28.8	26.0	-2.8	↓ -9.72%
SAF	49.8	45.0	-4.8	↓ -9.64%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	16,187,790	17.0%	2,025	2.7	0.4
KBC	10,643,510	9.5%	1,636	11.4	1.2
HQC	5,350,030	17.8%	1,671	3.1	0.6
HPG	5,043,350	30.2%	5,512	7.9	1.8
OGC	4,718,850	43.3%	3,412	0.4	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HKB	5,959,200	0.7%	96	103.5	1.0
PVX	3,657,206	6.6%	482	5.2	0.8
SCR	2,736,709	2.3%	320	30.7	0.7
HUT	2,335,745	15.8%	2,283	5.7	1.0
SHB	2,020,339	7.4%	890	5.2	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KAC	↑ 7.0%	7.4%	787	6.8	0.5
HHS	↑ 7.0%	8.9%	981	6.6	0.6
VOS	↑ 6.9%	-24.6%	(1,703)	-	0.2
ROS	↑ 6.9%	6.9%	5,164	8.1	4.0
SMC	↑ 6.9%	49.9%	7,914	2.4	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KST	↑ 27.9%	12.8%	2,331	2.4	0.3
HKB	↑ 10.0%	0.7%	96	103.5	1.0
BKC	↑ 10.0%	4.8%	603	10.9	0.5
NHC	↑ 9.8%	30.6%	4,706	7.1	2.1
POT	↑ 9.8%	9.9%	1,587	9.9	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	972,990	0.9%	103	41.8	0.4
DXG	526,760	18.9%	2,679	4.7	1.1
NT2	345,890	25.3%	4,264	9.0	2.1
HPG	251,360	30.2%	5,512	7.9	1.8
SSI	246,220	12.3%	1,735	13.1	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IVS	91,500	2.9%	298	45.3	1.3
BVS	56,100	7.2%	1,450	12.2	0.9
VCG	50,000	4.5%	734	21.7	1.2
VNR	34,900	9.2%	1,875	11.7	1.1
PTI	24,600	10.3%	3,739	8.2	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	203,784	41.9%	6,234	22.5	8.8
VCB	137,435	13.6%	1,746	21.9	2.1
GAS	136,996	14.8%	3,337	21.5	3.5
VIC	115,532	5.1%	901	48.6	3.6
CTG	65,532	10.6%	1,633	10.8	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	17,477	8.7%	1,253	15.6	1.3
PVS	9,515	11.0%	2,920	7.3	0.9
VCS	8,400	51.1%	10,707	13.1	6.2
VCG	7,023	4.5%	734	21.7	1.2
NTP	6,425	23.1%	5,214	16.6	3.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QBS	2.46	6.3%	747	7.8	0.5
TTF	2.42	-60.6%	(9,248)	-	3.8
HTL	2.39	54.5%	9,393	7.1	3.8
VHG	2.32	2.1%	256	9.5	0.2
HAG	2.19	-6.1%	(1,330)	-	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HKB	4.63	0.7%	96	103.5	1.0
DLR	4.42	-6.2%	(597)	-	1.1
VMC	3.45	12.1%	3,046	11.5	1.4
TFC	3.33	23.2%	6,607	1.3	0.5
FID	3.14	5.5%	755	24.6	1.7



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Xuân Bách
bach.tx@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
